

Số: /QĐ-DAGT

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022  
của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Khánh Hòa

### GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa; và Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 V/v điều chỉnh khoản 4 điều 1 của Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017;

Căn cứ Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2022 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Phòng Kế toán.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Giao thông Khánh Hòa (Theo biểu đính kèm);

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các phòng trực thuộc Ban và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

*Nơi nhận:*

- Như điều 3; (VBĐT)
- Sở Tài chính; (VBĐT)
- Lưu: VT, HM

**Đặng Hữu Tài**

Đơn vị: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng  
 các Công trình Giao thông Khánh Hòa  
 Chương:

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo quyết định số: /QĐ- DAGT ngày /01/2022)

Đơn vị tính: đồng

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	<b>2.425.841.758</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu:</b>	<b>2.425.841.758</b>
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	999.913.137
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	408.427.621
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp	1.017.501.000
5	Nguồn thu hợp pháp khác	0
<b>II</b>	<b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>	<b>18.600.913</b>
<b>III</b>	<b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)</b>	<b>2.407.240.845</b>
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b>2.407.240.845</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>2.407.240.845</b>
1	Tiền lương	1.669.008.600
2	Tiền công	75.453.600
3	Các khoản phụ cấp lương	39.336.000
4	Các khoản trích nộp theo lương	15.000.000
5	Chi tiền thưởng	20.000.000
6	Chi phúc lợi tập thể	433.442.645

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	20.000.000
8	Chi mua vật tư văn phòng	20.000.000
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	20.000.000
10	Chi hội nghị	20.000.000
11	Chi công tác phí	10.000.000
12	Chi thuê mướn	20.000.000
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	0
14	Chi đoàn vào	10.000.000
15	Chi khấu hao tài sản cố định	0
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	10.000.000
17	Chi phí khác	20.000.000
18	Dự phòng	5.000.000
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>0</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0
2	Chi mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý	0
3	Chi sửa chữa lớn tài sản cố định	0
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	0
5	Chi khác	0